

QCVN 12-4:2015/BYT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ VẬT SINH AN TOÀN ĐỐI VỚI BẢO BÌ, DẪNG CÀ LÂM
BẰNG THỦY TINH, GỐM, SỨ VÀ TRẮNG MEN TIẾP XÚC TRỰC TIẾP VỚI THỰC PHẨM

*National technical regulation on the safety and hygiene glass, ceramic, porcelain and enameled
implements, containers, and packaging in direct contact with food*

Lời nói đầu

QCVN 12-4:2015/BYT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật sinh an toàn đối với bảo bì, dẫn dụng làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm biên soạn, Ủy ban An toàn thực phẩm trình duyệt và được ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BYT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

QCVN 12-4:2015/BYT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ VẬT SINH AN TOÀN ĐỐI VỚI BẢO BÌ, DẪNG CÀ LÂM
BẰNG THỦY TINH, GỐM, SỨ VÀ TRẮNG MEN TIẾP XÚC TRỰC TIẾP VỚI THỰC PHẨM

***National technical regulation on the safety and hygiene glass, ceramic, porcelain and enameled
implements, containers, and packaging in direct contact with food***

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý về vật sinh an toàn đối với bảo bì, dẫn dụng làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (sau đây gọi tắt là bảo bì, dẫn dụng).

2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với:

- 2.1. Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh bảo bì, dẫn dụng tại Việt Nam.
- 2.2. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. *Bao bì, dẫn dụng có lòng nông phẳng* là bao bì, dẫn dụng có độ sâu bên trong không quá 25 mm đo từ điểm sâu nhất đến bề mặt ngang đi qua điểm tràn.

3.2. *Bao bì, dẫn dụng có lòng sâu* là bao bì, dẫn dụng có độ sâu bên trong lớn hơn 25 mm đo từ điểm sâu nhất đến bề mặt ngang đi qua điểm tràn.

3.3. *Bao bì, dẫn dụng tráng men* là các loại bao bì, dẫn dụng làm bằng thủy tinh, gốm, gốm thủy tinh, sứ, kim loại được tráng men thủy tinh hoặc men sứ.

3.4. *Vành miệng* là phần rãnh 20 mm chiều rộng bên ngoài bao bì, dẫn dụng dùng để ăn, uống. Phần rãnh này được đo từ trên miệng đến theo thành bao bì, dẫn dụng.

II. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Yêu cầu kỹ thuật đối với bảo bì, dẫn dụng

1.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với bảo bì, dẫn dụng làm bằng thủy tinh

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Mức tối đa
1	Lòng nông phẳng	
	<i>Dùng để chứa đồ uống và đun, nấu</i>	
	Cadmi (mg/dm ²)	0,07
	Chì (mg/dm ²)	0,8
2	Lòng sâu	
2.1	<i>Dùng để chứa đồ uống</i>	
2.1.1	<i>Dung tích nhỏ hơn 600 ml</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,5
	Chì (mg/l)	1.5

2.1.1	<i>Dung tích trong kho^ong t^o 600 ml đ^on đ^oi i 3.000 ml</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,25
	Chì (mg/l)	0,75
2.1.3	<i>Dung tích l^on h^on ho^oc b^ong 3.000 ml</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,25
	Chì (mg/l)	0,5
2.2	<i>Dùng đ^o đ^on, n^ou</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,05
	Chì (mg/l)	0,5
3	C^oc, chén	
	Cadmi (mg/l)	0,25
	Chì (mg/l)	0,5

Ghi chú:

- Đ^on v^otính: - mg/l c^oa dung d^och chi^ot đ^oi v^oi d^ong c^o, bao bì.
- mg/dm² c^oa đ^on tích b^o m^ot t^op xúc đ^oi v^oi bao bì, d^ong c^o.

1.2. Yêu c^ou k^o thu^ot đ^oi v^oi bao bì, d^ong c^o làm b^ong g^om, g^om th^oy tính

TT	Ch ^o tiêu ki ^o m tra	M ^o c t ^o i đa
1	Lòng nông ph^ong	
	<i>Dùng đ^o ch^oa đ^ong và đ^on, n^ou</i>	
	Cadmi (mg/dm ²)	0,07
	Chì (mg/dm ²)	0,8
2	Lòng sâu	
2.1	<i>Dùng đ^o ch^oa đ^ong</i>	
2.1.1	<i>Dung tích nh^o h^on 1.100 ml</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,5
	Chì (mg/l)	2,0
2.1.2	<i>Dung tích trong kho^ong t^o 1.100 ml đ^on đ^oi i 3.000 ml</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,25
	Chì (mg/l)	1,0
2.1.3	<i>Dung tích l^on h^on ho^oc b^ong 3.000 ml</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,25
	Chì (mg/l)	0,5
2.2	<i>Dùng đ^o đ^on, n^ou</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,05
	Chì (mg/l)	0,5
3	C^oc, chén	
	Cadmi (mg/l)	0,25
	Chì (mg/l)	0,5

Ghi chú:

- Đ^on v^otính: - mg/l c^oa dung d^och chi^ot đ^oi v^oi d^ong c^o, bao bì.
- mg/dm² c^oa đ^on tích b^o m^ot t^op xúc đ^oi v^oi bao bì, d^ong c^o.

1.3. Yêu c^ou k^o thu^ot đ^oi v^oi bao bì, d^ong c^o tráng men (bao g^om c^o, chén)

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Mức tối đa
1	Lòng nông phẳng	
1.1	Dùng đũa chĩa để ng	
	Cadmi (mg/dm ²)	0,07
	Chì (mg/dm ²)	0,8
1.2	Dùng đũa đun, nũa	
	Cadmi (mg/dm ²)	0,05
	Chì (mg/dm ²)	0,1
2	Lòng sâu	
2.1	Dùng tích nhón hót n 3.000 ml	
2.1.1	Dùng đũa chĩa để ng	
	Cadmi (mg/l)	0,07
	Chì (mg/l)	0,8
2.1.2	Dùng đũa đun, nũa	
	Cadmi (mg/l)	0,07
	Chì (mg/l)	0,4
2.2	Dùng tích nhón hót n hót n hót c bót ng 3.000 ml (dùng đũa chĩa để ng và đun, nũa)	
	Cadmi (mg/dm ²)	0,05
	Chì (mg/dm ²)	0,1

Ghi chú:

Đơn vị tính: - mg/l của dung dịch chiết từ vỉi vỉi để ng cắ, bao bì.
- mg/dm² của diện tích bề mặt tiếp xúc từ vỉi vỉi bao bì, để ng cắ.

1.4. Yêu cầu kiểm soát từ vỉi vỉi vành uống của các loại bao bì, để ng cắ tráng men

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Mức tối đa
1	Cadmi (mg/vành uống)	0,2
2	Chì (mg/vành uống)	2,0

Ghi chú:

Đơn vị tính: mg/vành uống của bao bì, để ng cắ.

2. Yêu cầu về ghi nhãn

Việc ghi nhãn bao bì, để ng cắ theo đúng quy định tại Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và các quy định của pháp luật có liên quan.

III. PHƯƠNG NG PHÁP LUYỆN VÀ PHƯƠNG NG PHÁP TH

1. Phương pháp luyện

Luyện theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phương pháp thử

Yêu cầu kiểm soát quy định trong Quy chuẩn này được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy chuẩn này. Các phương pháp thử quy định tại Phụ lục số 01 không bắt buộc áp dụng, có thể sử dụng các phương pháp thử khác có đủ chính xác tương đương.

IV. YÊU CẦU QUẢN LÝ

1. Công bố hợp quy

1.1. Bao bì, để ng cắ nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh phải công bố hợp quy theo quy định tại Quy chuẩn này.

1.2. Phạm vi ng thi c, trình t , th t c công b h p quy đ c th c hi n theo Đi u 6, Đi u 7 Ngh đnh 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 c a Chính ph quy đnh chi ti t thi hành m t s đ i u c a Lu t an toàn th c phẩm và Đi u 4, Đi u 5, Đi u 7, Đi u 9 Thông t 19/2012/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2012 c a B tr ng B Y t h p ng d n vi c công b h p quy và công b phù h p quy đnh an toàn th c phẩm và các quy đnh khác c a pháp lu t có liên quan.

2. Thanh tra, ki m tra và x lý vi ph m pháp lu t

C quan nhà n c có th m quy n th c hi n vi c thanh tra, ki m tra và x lý vi ph m pháp lu t đ i v i t ch c, cá nhân nh p kh u, s n xu t, kinh doanh bao bì, d ng c vi ph m các quy đnh v k thu t và qu n lý quy đnh t i Quy chu n này và các quy đnh pháp lu t khác có liên quan.

V. TRÁCH NHI M C A T CH C, CÁ NHÂN

1. T ch c, cá nhân nh p kh u, s n xu t, kinh doanh bao bì, d ng c ph i công b h p quy theo các yêu c u c a Quy chu n này.

2. T ch c, cá nhân ch đ c phép nh p kh u, s n xu t, kinh doanh bao bì, d ng c sau khi đã đ c C c An toàn th c phẩm c p Gi y t p nh n b n công b h p quy và đáp ng các quy đnh pháp lu t hi n hành khác có liên quan.

VI. T CH C TH C HI N

1. Giao C c An toàn th c phẩm ch trì, ph i h p v i các c quan ch c năng có liên quan h ng d n tr n khai và t ch c vi c th c hi n Quy chu n này.

2. Căn c vào yêu c u qu n lý, C c An toàn th c phẩm có trách nhi m ki n ngh B Y t s a đ i, b sung Quy chu n này.

3. Trong tr ng h p các tiêu chu n và quy đnh pháp lu t đ c vi n d n trong Quy chu n này đ c s a đ i, b sung ho c đ c thay th thì áp d ng theo văn b n m i.

PH L C 01

PH NG PHÁP TH CÁC CH TIÊU V SINH AN TOÀN Đ I V I BAO BÌ, D NG C

1. Phạm vi ng pháp th đ i v i bao bì, d ng c làm b ng th y tinh (bao g m c c, chén)

1.1. Phạm vi ng pháp th đ i v i bao bì, d ng c b ng th y tinh có lòng nông ph ng

TCVN 7146-1: 2002 D ng c b ng g m, g m th y tinh và d ng c đ ng th c ăn b ng th y tinh t p xúc v i th c phẩm - S thôi ra c a chì và cadimi - Ph n 1: Phạm vi ng pháp th (ISO 6486-1:1999).

1.2. Phạm vi ng pháp th đ i v i bao bì, d ng c b ng th y tinh có lòng sâu

TCVN 7148-1: 2002 D ng c b ng th y tinh có lòng sâu t p xúc v i th c phẩm - S thôi ra c a chì và cadimi - Ph n 1: Phạm vi ng pháp th (ISO 7086-1:2000).

2. Phạm vi ng pháp th đ i v i bao bì, d ng c làm b ng g m, g m th y tinh (bao g m c c, chén)

TCVN 7146-1: 2002 D ng c b ng g m, g m th y tinh và d ng c đ ng th c ăn b ng th y tinh t p xúc v i th c phẩm - S thôi ra c a chì và cadimi - Ph n 1: Phạm vi ng pháp th (ISO 6486-1:1999).

3. Phạm vi ng pháp th đ i v i bao bì, d ng c tráng men (bao g m c c, chén)

TCVN 7542-1: 2005 Men th y tinh và men s - S thôi ra c a chì và cadimi t các d ng c tráng men t p xúc v i th c phẩm - Ph n 1: Phạm vi ng pháp th (ISO 4531-1:1998).

4. Phạm vi ng pháp th đ i v i vành u ng c a các lo i bao bì, d ng c tráng men

TCVN 7542-1: 2005 Men th y tinh và men s - S thôi ra c a chì và cadimi t các d ng c tráng men t p xúc v i th c phẩm - Ph n 1: Phạm vi ng pháp th (ISO 4531-1:1998).